

402. Chuyện Túi Da Đựng Bánh (Tiền thân Sattubhasta)

Tâm tư lão rồi loạn, ưu phiền...

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự Viên mãn của Trí tuệ Tối thắng. Hoàn cảnh chuyện này sẽ xuất hiện trong tiền thân Mahà-Ummagga, số 546.

*

Ngày xưa có vị vua tên là Janaka trị vì ở Ba-la-nại. Thời ấy Bò-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn, cha mẹ đặt tên ngài là nam tử Senaka. Khi lớn lên, ngài theo học các nghệ thuật tại Takkasilà rồi trở về Ba-la-nại yết kiến vua. Vua phong cho ngài chức vụ đại thân và ban cho ngài đại vinh hiển.

Ngài dạy vua về thế sự lẫn thánh sự. Là người thuyết Pháp khả ái, ngài an trú vua vào Ngũ giới, bố thí và hành trì trai giới và Thập thiện đạo, như vậy tức là an trú vua vào chánh hạnh. Toàn quốc độ được ở cảnh như thời có chư Phật xuất hiện. Vào các ngày trai giới nửa tháng một lần, nhà vua, các phó vương, cận thần đều tụ tập và trang hoàng phòng họp.

Bò-tát thuyết Pháp trong một giảng đường tôn nghiêm trên bảo tọa bọc da nai, với uy lực của một vị Phật, lời ngài dạy chẳng khác gì lời dạy của chư Phật.

Thời ấy có một Bà-la-môn già nua, xin tiền bố thí được một ngàn đồng, để dành trong một gia đình Bà-la-môn, rồi lại làm hành khất thêm nữa. Khi ông ra đi, gia đình nợ tiêu hết cả tiền. Sau đó ông trở lại đòi số tiền. Vì gia chủ không có tiền trả, nên gả con gái cho ông làm vợ. Vị Bà-la-môn già đem nàng về cư ngụ trong một làng Bà-la-môn không xa Ba-la-nại. Vì cô vợ còn trẻ nên không thỏa mãn- tham dục và phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ.

Ở đời có mười sáu việc không thể nào thỏa mãn. Đó là mười sáu việc gì? - Biển không thỏa mãn với các dòng sông, lửa không thỏa mãn với nhiên liệu, vua không thỏa mãn với quốc độ, kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp, nữ nhân không thỏa mãn với ba việc ân ái, nữ trang và sinh con, Bà-la-môn không thỏa mãn với thánh kinh, bậc trí không thỏa mãn với Thiên định, bậc hữu học không thỏa mãn với danh vọng, người ly tham không thỏa mãn với khổ hạnh, người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực, người hay nói không thỏa mãn với chuyện trò, nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị, người mộ đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Giáo hội, người thích bố thí không thỏa mãn với việc bố thí, người đa văn không thỏa mãn với việc nghe Pháp, tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến đức Phật.

Vì thế nữ nhân Bà-la-môn này không thỏa mãn việc ân ái, muốn đẩy chồng đi xa và phạm tà dục một cách táo bạo. Một ngày kia, cô ả nằm dài theo gian kế đã dự trù. Khi ông chồng hỏi:

- Nàng ơi, nàng làm sao thế?

Cô ả đáp:

- Chàng Bà-la-môn ơi, thiếp không thể làm việc nhà chàng được nữa, phải kiếm một nữ tỳ.

- Nàng ơi, ta không có tiền, vậy ta sẽ lấy gì để mua nữ tỳ chứ?

- Chàng hãy làm hành khất kiếm tiền mà thuê nữ tỳ.

- Thế nàng hãy sắp đặt vài vật để ta lên đường.

Cô ả đặt vào túi da đủ các thứ bột bánh đã nướng và chưa nướng xong trao cho lão. Lão Bà-la-môn đi qua mọi thôn làng thành thị, kiếm được bảy trăm đồng, nghĩ thầm: "Số tiền này đủ để mua gia nô nữ tỳ rồi", lão liền trở về làng.

Đến một địa điểm thuận tiện, để uống nước, lão mở túi xách ăn một ít bánh nướng, rồi đi uống nước mà không buộc miệng túi. Lúc ấy một con rắn hổ trong thân cây rỗng, ngửi mùi bánh bò vào túi nằm cuộn tròn ăn bánh. Lão trở lại, không nhìn vào túi, cứ buộc túi lại và vác lên vai ra đi.

Lúc ấy một vị Thần cây ngồi trên bọng thân cây ấy đèn bảo cho lão biết trên đường đi:

- Này Bà-la-môn, nếu lão dừng lại trên đường, lão sẽ chết; còn nếu lão về nhà thì vợ lão sẽ chết đấy.

Xong vị thần biến mất. Lão nhìn quanh, không thấy vị thần nên lòng kinh hoàng vì sợ chết, vừa đi đến cổng thành Ba-la-nại vừa khóc than.

Hôm ấy vào ngày rằm trai giới, ngày Bồ-tát thuyết Pháp, đang ngồi trên bảo tọa trang nghiêm và một đám đông đem hương hoa đủ loại đến từng đoàn nghe thuyết Pháp. Lão Bà-la-môn hỏi:

- Các người đi đâu thế?

Họ đáp:

- Này lão Bà-la-môn, hôm nay bậc Trí giả Senaka thuyết Pháp với giọng êm dịu và oai lực của một vị Phật. Lão không biết ư?

Lão suy nghĩ: "Họ bảo ngài là một bậc thuyết Pháp hiền trí, còn ta đang lo âu sợ chết, các bậc trí có khả năng diệt trừ các đại phiền não, vậy ta nên đến đó nghe Pháp".

Vì thế lão cùng đi với họ; khi quần chúng và vua đã ngồi chung quanh Bồ-tát, lão đứng bên ngoài, không xa pháp tọa, với túi thức ăn trên vai và lòng sợ chết. Bồ-tát thuyết giảng chẳng khác nào ngài đang đưa cả dải thiên hà xuống trần giới hay đổ trận mưa đầy thực phẩm thiên giới cho đời.

Quần chúng vô cùng hoan hỷ tán thưởng, lắng tai nghe Pháp. Các bậc trí thường nhìn xa thấy rộng. Vào lúc ấy Bồ-tát mở đôi mắt có đủ năm vẻ đẹp nhìn khắp Hội chúng, thấy vị Bà-la-môn, liền nghĩ: "Cả Hội chúng đông đảo này tràn ngập hoan nghe Pháp và tán thưởng, chỉ trừ một Bà-la-môn ủ rũ khóc lóc. Chắc hẳn phải có nỗi sâu tư nào trong lòng khiến lão tuôn lệ. Cũng giống như tủy ri sét với chất chua, hay làm một giọt nước rơi khỏi lá sen, ta sẽ thuyết Pháp cho lão giải sầu và an vui tâm trí". Vì thế ngài gọi lão:

- Này lão Bà-la-môn, ta là trí giả Senaka, nay ta muốn giải mối sầu cho lão, hãy bạo dạn nói ra đi.

Ngài ngâm vần kệ đầu hỏi lão:

*1. Tâm tư lão rối loạn, ưu phiền,
Nước mắt chảy là có hiển nhiên,
Lão mất gì, vào đây muốn kiếm
Thứ gì? Hãy nói rõ ngay liền.*

Sau đó, Bà-la-môn ngâm vần kệ bày tỏ duyên có nỗi sâu:

*2. Vợ chết, nếu tôi trở lại nhà,
Còn không, tôi sẽ hóa ra ma,
Điều này làm trái tim đau nhói,
Xin giải vấn đề, hỡi Sen-ka.*

Nghe vị Bà-la-môn nói, Bồ-tát bủa giăng tấm lưới tri kiến như ném lưới vào biển cả, và suy nghĩ: "Có nhiều nguyên nhân gây tử vong ở đời này: một số chết chìm ngoài biển, hoặc bị loài cá dữ ăn thịt, một số rơi xuống sông Hằng, hay bị cá sấu vồ, một số khác rơi từ cây xuống hay bị gai nhọn đâm, một số bị khí giới loại đánh vào người, một số khác ăn nhầm chất độc, bị treo cổ hay rớt xuống vực sâu, chết cồng vì giá buốt, hay các loại bệnh tấn công. Nay giữa mọi duyên có ấy, lão Bà-la-môn này phải chết vì cớ nào nếu lão ở nán lại trên đường đi hôm nay, hoặc vợ lão phải chết nếu lão về nhà?".

Trong lúc suy xét, ngài thấy cái túi trên vai lão và nghĩ: "Chắc hẳn có con rắn chui vào túi, có lẽ vì nó đã nghe mùi bánh khi lão ăn sáng và đi uống nước mà quên buộc miệng túi xách. Sau khi uống nước xong, lão Bà-la-môn trở lại và có lẽ đã tiếp tục lên đường sau khi buộc túi và cầm túi lên mà không thấy con rắn bò vào. Nếu lão ở nán lại trên đường, đến tối lão sẽ tự nhủ lúc dừng chân: "Ta muốn ăn bánh". Rồi mở túi ra, lão sẽ đặt tay vào, con rắn sẽ cắn tay lão gây tử vong. Đây chính là nguyên nhân lão sẽ chết nếu ở lại trên đường. Nhưng nếu lão về nhà, túi ấy sẽ đến tay vợ lão, bà ta sẽ nói: "Ta muốn xem đồ đạc bên trong", rồi bà ta mở túi ra và đặt tay vào, con rắn sẽ cắn bà ta bỏ mạng. Đây chính là nguyên nhân vợ lão chết nếu lão về nhà hôm nay". Ngài biết được điều này do trí của ngài tinh xảo về mọi phương tiện.

Lúc ấy ngài lại suy nghĩ: "Đây chắc hẳn là con rắn hổ đen, táo bạo, không hề biết sợ, nên khi cái túi da đập vào sườn lão Bà-la-môn, nó chẳng nhúc nhích hay run rẩy gì cả. Nó cũng không tỏ dấu hiệu là nó đang có mặt tại Hội chúng đông đảo này, do đó nó phải là con rắn hổ đen bạo dạn, không biết sợ".

Từ tri kiến tinh xảo các phương tiện, ngài biết điều này như thể ngài chứng kiến với thiên nhãn. Như vậy Ngài chẳng khác nào một người đứng gần đó nhìn con rắn bò vào túi, rồi quyết định sự việc bằng trí kiến tinh xảo của ngài. Bồ-tát ngâm vần kệ thứ ba đáp câu hỏi của vị Bà-la-môn ngay giữa hội chúng triều đình:

*3. Suy xét mọi nghi hoặc trước tiên,
Nay ta tuyên bố sự đương nhiên:
La-môn, trong túi đồ ăn ấy
Đã lén chui vào rắn hổ đen!*

Nói vậy xong, Ngài hỏi:

- Này lão Bà-la-môn, có thứ bánh nào trong túi xách của lão chẳng?

- Thưa Trí giả, có.

- Thế lão có ăn bánh lúc điếm tâm sáng nay chẳng?

- Thưa Trí giả, có.

- Thế lão đã ngồi đâu?

- Ở trong rừng, dưới một gốc cây.

- Thế khi lão ăn bánh xong và đi uống nước, lão có buộc miệng túi lại hay không?

- Thưa Trí giả, tôi không buộc.

- Khi lão đã uống nước và trở về, lão có buộc miệng túi sau khi nhìn vào trong không?

- Thưa Trí giả, tôi buộc miệng túi mà không nhìn vào trong.

- Này lão Bà-la-môn, khi lão đi uống nước, ta chắc là con rắn đã lên vào túi do ngửi mùi bánh mà lão không biết: đây là trường hợp này. Vậy lão mau đặt túi xuống, để ngay giữa Hội chúng và mở miệng túi ra. Lậy gậy đập vào túi, rồi lão sẽ thấy con rắn hổ đen bò ra với chiếc mào giương rộng và rít lên. Lão sẽ hết hồ nghi. Ngài lại ngâm vần kệ thứ tư:

*4. Cầm gậy đập lên chiếc túi dày,
Im hơi, hai lưỡi chính con này,
Trí ông hết rồi vì nghi hoặc,
Mở túi, rồi ông thấy rắn ngay!*

Vị Bà-la-môn làm theo lời Bồ-tát bảo, mặc dù lão hết sức kinh hoàng chấn động. Con rắn bò ra khỏi túi khi đầu nó bị chiếc gậy đánh trúng, và nó dừng lại nhìn mọi người.

*

Bậc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ năm giải thích vấn đề:

*5. Kinh hãi, lão ra giữa đám đông,
Mở dây chiếc túi đựng đồ ăn,
Một con rắn hổ bò hung dữ,
Kiêu hãnh giương cao cả chiếc mồng!*

Khi con rắn bò ra với chiếc mồng giương cao, đó là điềm báo hiệu Bồ-tát sẽ là vị Phật Chánh Đẳng Giác. Đám đông bắt đầu vỗ khăn và búng tay hàng ngàn người, bảy báu vật được ném tung ra như thể mưa rào, hàng ngàn tiếng hô: "Tốt lành thay!" vang dậy, ồn ào như đất lở.

Lời giải đáp một câu hỏi như vậy do uy lực của một bậc Giác Ngộ chứ không phải nhờ nguồn gốc sinh trưởng, cũng không phải uy lực của người giàu sang danh vọng. Vậy đó là uy lực gì?- Chính là uy lực của tri kiến. Người có tri kiến làm trí tuệ tăng trưởng, mở rộng cánh cửa đi vào các Thánh đạo, chứng đắc Niết-bàn bất tử tối thượng và thành tựu viên mãn các quả vị Thanh văn, Độc giác và Chánh Đẳng Giác: Tri kiến là điều tối thắng giữa các đức tính đưa đến Niết-bàn bất tử tối thượng. Mọi thành phần khác đều là phụ thuộc.

Do vậy có câu tục ngữ:

*6. Người thiện bảo tri kiến tối ưu
Như trăng đi giữa các vì sao,
Tiền tài, đức hạnh, lòng công chánh,
Là các nô tỳ bậc trí cao.*

*

Khi câu hỏi đã được Bồ-tát giải đáp xong, một người như rắn làm một chiếc khăn bịt miệng rắn rồi đến chụp lấy nó và đem thả vào rừng.

Vị Bà-la-môn đi đến yết kiến vua, kính chào xong, lại ngâm nửa vản kệ tán tụng vua:

*7. Chúa thượng Jan-ka, lợi lạc thay,
Đại vương có bậc trí nhân này.*

Sau khi ca tụng vua, lão cầm bảy trăm đồng tiền trong túi ra, vừa tán thán Bồ-tát, vừa ngâm một vản kệ rưới bày tỏ ước muốn bố thí trong niềm hoan hỷ:

*Trí ngài đáng sợ, hồ nghi biến,
Trước mắt ngài nhìn thấu suốt ngay.*

*8. Đây đây có cả bảy trăm đồng,
Xin nhận lấy ngay vật hiến dâng,
Vì chính nhờ ngài, tôi được sống
Cùng nguồn an lạc của thân nhân.*

Nghe vậy, Bồ-tát ngâm vản kệ thứ chín:

*9. Bậc trí không dùng vật cúng dâng
Chỉ vì các khúc kệ ca ngâm,
Tốt hơn, ta tặng luôn tiền ấy
Trước lúc lão về lại cố hương.*

Nói vậy xong, Bồ-tát đưa trọn số tiền trả lại vị Bà-la-môn và hỏi:

- Ai bảo lão đi kiếm số tiền này?

- Thưa Trí giả, chính tiện nội.

- Thế hiền nội già hay trẻ?

- Thưa Trí giả, tiện nội còn trẻ.

- Thế thì cô ả đang phạm tà hạnh với kẻ khác, nên đã bảo lão đi xa vì nghĩ cần phải hành động như thế cho an toàn. Nếu lão đem số tiền này về nhà, cô ả sẽ đem cho tình nhân số tiền do lão khổ công kiếm được. Vậy lão không nên về nhà ngay, mà phải để số tiền ngoài thành phố, dưới gốc cây đầu đó.

Nói xong ngài bảo lão ra đi.

Khi lão đến gần làng, lão chôn tiền vào một gốc cây, và về đến nhà lúc chiều tối. Lúc ấy vợ lão đang ngồi với tình nhân. Vị Bà-la-môn đứng ở cửa gọi to:

- Nàng ôi!

Cô ả nhận ra tiếng lão, vội tắt đèn và ra mở cửa. Khi lão đã vào trong, cô ả dẫn kẻ kia ra cửa, rồi trở vào nhà, chẳng thấy món gì trong túi, liền hỏi:

- Này chàng Bà-la-môn, chàng kiếm được của bố thí gì trên đường đi thế?

- Một ngàn đồng tiền.

- Thế tiền đâu rồi?

- Nó được chôn ở chốn nọ, nhưng đừng lo, ngày mai ta sẽ đi lấy nó.

Cô ả liền đi báo cho tình nhân biết. Hắn đến đó lấy tiền ngay như thế tài sản của hắn vậy. Hôm sau, vị Bà-la-môn đến nhưng không thấy tiền đâu, liền đi tìm Bồ-tát, ngài hỏi:

- Này lão Bà-la-môn, có việc gì thế?

- Thưa Trí giả, tôi không thấy tiền đâu cả.

- Thế lão có nói cho vợ biết chăng?

- Thưa Trí giả, có.

Biết là cô vợ đã báo cho tình nhân rõ, Bồ-tát bảo:

- Này lão Bà-la-môn, thế có vị Bà-la-môn nào là bạn của vợ lão không?

- Thưa Trí giả, có.

Lúc ấy bậc Đại Sĩ truyền người đem đến một số tiền đủ chi phí trong bảy ngày để cho lão và dặn:

- Hãy ra về, và hai vợ chồng lão hãy đãi tiệc mời mười bốn vị Bà-la-môn đầu tiên, gồm bảy người bạn lão và bảy người bạn của vợ lão. Rồi từ đó về sau cứ mỗi ngày bớt một vị khách cho đến ngày

thứ bảy, lão chỉ mời một Bà-la-môn và vợ lão mời một. Khi ấy nếu lão thấy vị Bà-la-môn được vợ lão mời vào ngày thứ bảy ấy đã đến các lần trước, thì hãy báo cho ta.

Lão Bà-la-môn làm theo lời ngài, rồi đến trình Bồ-tát:

- Thưa Trí giả, tôi đã nhận thấy vị Bà-la-môn luôn luôn đến làm thực khách của nhà tôi.

Bồ-tát sai người đi theo lão, đem vị Bà-la-môn ấy đến và hỏi:

- Có phải anh lấy một ngàn đồng tiền của lão này giấu ở dưới gốc cây nọ chăng?

- Thưa Trí giả, tôi không lấy.

- Thế anh biết ta là Trí giả Senaka ư? Ta muốn bảo anh đem số tiền ấy về đây.

Hắn sợ hãi thú nhận:

- Tôi đã lấy số tiền ấy.

- Thế anh đã làm gì?

- Thưa Trí giả, tôi cất ở chỗ nọ.

Bồ-tát lại hỏi vị Bà-la-môn già kia:

- Nay lão Bà-la-môn, lão muốn giữ vợ lại hay lấy vợ khác?

- Thưa Trí giả, cho lão được phép giữ vợ lại.

Bồ-tát sai người đi lấy số tiền và đem cô vợ lão đến, trao số tiền từ tay kẻ trộm ấy lại cho lão Bà-la-môn, rồi ngài trừng phạt kẻ trộm, đuổi hắn ra khỏi tỉnh và trừng phạt luôn cô vợ. Về sau ngài ban lão Bà-la-môn đại vinh dự bằng cách cho phép lão sống ở gần ngài.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo đạt Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy vị Bà-la-môn là Ananda, vị Thần cây là Sàriputta, hội chúng là Tăng chúng của đức Phật và Trí giả Senaka chính là Ta.

-ooOoo-

403. Chuyện Trí Giả Atthisena (Tiền thân Atthisena)

At-thi, lắm kẻ đến mong cầu...,

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại đền Aggàlava gần Àlavi, về các điều lệ xây tịnh thất.

Hoàn cảnh đã được nêu trong tiền thân Manikantha số 253. Bậc Đạo Sư bảo Tăng chúng:

- Nay các Tỷ-kheo, ngày xưa trước khi đức Phật ra đời, các ẩn sĩ ngoại đạo dù được vua ban đặc ân, cũng không bao giờ cầu xin điều gì cả, vì thấy rằng cầu xin kẻ khác không đem lại an lạc thư thái.

Nói vậy xong Ngài kể câu chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa, khi vua Brahmadata trị vì tại Ba-la-nại, Bô-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn và được đặt tên là Nam tử Atthisena. Khi lớn lên, ngài học các nghệ thuật ở Takkasilà, và về sau, nhận thấy nỗi đau khổ của tham dục, ngài xuất gia tu tập và thành đạt các Thắng trí cùng các Thiền chứng, ngài sống ở vùng Tuyết Sơn. Sau đó xuống vùng dân cư tìm muối và dấm, ngài đến Ba-la-nại. Sau khi ở trong một lâm viên, hôm sau ngài đi khát thực tại cung đình.

Vua hài lòng trước phong cách oai nghi của ngài, liền cho người mời ngài vào, đặt ngài ngồi lên sàng tọa trên sân thượng và cúng dường thực phẩm. Khi ngài nói lời tùy hỷ công đức, vua rất hân hoan, và nhận được lời ngài hứa hẹn cư ngụ trong ngự viên, vua đến tham kiến Bô-tát mỗi ngày hai ba lần. Một hôm vua hoan hỷ nghe ngài thuyết Pháp xong, liền ban cho ngài một điều ước:

- Xin ngài hãy nói cho trẫm biết bất cứ điều gì ngài ước nguyện, từ quốc độ của trẫm trở xuống.

Bô-tát không đáp: "Hãy cho ta vật này vật nọ", nhiều kẻ khác đòi hỏi những vật nào họ mong ước, thường bảo: "Cho tôi vật này", và vua ban vật đó, nếu không ham thích nó nữa.

Một hôm vua suy nghĩ: "Nhiều người mong cầu đặc ân hoặc các khát sĩ thường xin ta vật này vật nọ, nhưng Hiền giả Atthisena cao quý này, từ khi ta ban điều ước, vẫn không xin gì cả. Ngài thật là bậc có trí tuệ và thiện xảo các phương tiện. Ta muốn hỏi ngài".

Thế rồi, một hôm sau buổi điếm tâm, nhà vua ngồi một bên, hỏi ngài lý do vì sao nhiều người khác cầu xin ân huệ còn ngài thì không, và vua ngâm vần kệ đầu:

*1. At-thi, lắm kẻ đến mong cầu,
Cho dẫu họ xa lạ biết bao,
Lũ lượt xin ta ban thỉnh nguyện,
Còn ngài, không ước vọng, vì sao?*

Nghe vậy, Bô-tát ngâm vần kệ thứ hai:

*2. Hai kẻ cầu ân, hoặc chối từ,
Thấy đều không đẹp ý bao giờ,
Đấy là duyên có, xin đừng giận,
Khiến tiểu thần không thỉnh nguyện vua.*

Nghe lời ngài, vua ngâm tiếp ba vần kệ nữa:

*3. Người nào kiếm sống khẩn cầu hoài,
Chẳng đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác suy tàn đức độ,
Chính mình chẳng có kẻ sinh nhai.*

*4. Người nào kiếm sống, khẩn cầu hoài,
Thường đến cầu ân lúc hợp thời,
Làm kẻ khác tăng dần đức độ,
Chính mình cũng được kẻ sinh nhai.*

*5. Bậc có trí không thấy hận sân,
Khi người lũ lượt đến cầu ân,
Nói đi, Thánh giả là thân hữu,
Điều ước ngài không thể lỗi lầm.*

Như vậy, dù được ban tặng cả vương quốc, Bồ-tát cũng không cầu mong gì. Khi nguyện vọng của nhà vua đã được phát biểu như vậy, Bồ-tát liền bày tỏ đường lối của ản sĩ:

- Thưa Đại vương, người thế tục và gia chủ thường thích thỉnh nguyện, chứ không phải người xuất thế, vì từ khi phát nguyện xuất gia, ản sĩ phải sống đời thanh tịnh khác với gia chủ. Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nếp sống ản sĩ:

*6. Bậc trí không hề thỉnh nguyện đâu,
Thế nhân phải biết rõ như sau:
Trí nhân thỉnh nguyện ngồi im lặng,
Như thế là người trí thỉnh cầu.*

Vua nghe lời Bồ-tát liền nói:

- Bạch Tôn giả, nếu một người phục vụ có trí tự nguyện cống hiến thân hữu mình những gì cần được cống hiến, thì trăm xin tặng Tôn giả những vật như vậy:

*7. Ngàn bò trăm tặng Bà-la-môn,
Bỏ đồ, thêm người hướng dẫn đường,
Nghe các nghiệp ngài đây thánh thiện,
Trăm nay phát khởi nghiệp hiền lương.*

Khi vua nói vậy, Bồ-tát từ chối, bảo:

- Thưa Đại vương, ta đã sống đời tu tập xa lìa cầu ướ, ta không cần đàn bò.

Vua tuân thủ lời khuyến giáo của ngài, chuyên tâm bố thí và làm nhiều thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.

Còn Bồ-tát không hề gián đoạn Thiên định, nên tái sinh lên cõi Phạm thiên.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, nhiều Tỷ-kheo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

- Thời ấy, vua là Ananda và Atthisena chính là Ta.

-ooOoo-

404. Chuyện Hầu Vương (Tiền thân Kapi)

Người trí không nên ở chốn nào...,

Bạc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Thầy Tăng chúng đang bàn luận việc này tại Chánh pháp đường. Ngài bảo:

- Đây không phải lần đầu Devadatta và hội chúng của kẻ ấy bị tiêu diệt, mà xưa kia cũng vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

*

Ngày xưa khi vua Brahmadata trị vì Ba-la-nại, Bò-tát nhập thai vào loài khỉ sống trong ngự viên cùng cả đàn tùy tùng năm trăm con khỉ. Devadatta cũng được sinh làm khỉ, cùng sống tại đó với một bầy năm trăm khỉ khác.

Một hôm vị tế sư của nhà vua đi ra vườn tắm rửa, trang hoàng thân thể xong, một con khỉ tinh nghịch leo lên ngồi trên cổng vòng cung của ngự viên, thả cục phân rơi trên đầu vị ấy lúc ông đi qua cổng. Khi tế sư nhìn lên, nó lại thả thêm một cục phân vào miệng ông. Vị tế sư quay lại, hăm dọa bầy khỉ:

- Được lắm, ta sẽ biết cách trừng trị bầy.

Rồi ông lại tắm rửa và ra về.

Bầy khỉ trình lại với Bò-tát rằng vị tế sư giận và hăm dọa chúng như vậy.

Ngài thông báo cho cả bầy ngàn con khỉ:

- Ở gần nơi cư trú của kẻ sân hận là không an toàn, vậy cả đàn khỉ nên chạy trốn đi nơi khác.

Một con khỉ không vâng lệnh, giữ bầy khỉ của nó lại, không chạy trốn và bảo:

- Ta sẽ xét lại việc ấy sau.

Bồ-tát đem bày khi đi vào rừng.

Một hôm, có một nữ tỳ già gạo và phơi nắng một ít gạo, một con dê đến ăn gạo đã bị một cây đuốc đập vào mình, nó chạy trốn, mình cháy đỏ rực, vội chà mình vào vách lều cỏ gần chuồng voi. Ngọn lửa bắt vào lều cỏ lan qua chuồng voi, làm các lưng voi bị phỏng, các thú y được mời đến chăm sóc bày voi.

Vị tế sư hoàng gia vẫn luôn tìm cơ hội bắt bày khi. Lúc vị tế sư đang ngồi châu nhà vua, nhà vua bảo:

- Nay tế sư, nhiều con voi của ta bị thương và các thú y chuyên về voi lại không biết cách chữa trị, vậy khanh có biết chữa không?

- Tâu Đại vương, thần biết.

- Cách gì thế?

- Tâu Đại vương, mỡ khi.

- Làm sao có được thứ ấy?

- Có rất nhiều khi trong ngự viên.

Vua phán:

- Giết bày khi để lấy mỡ.

Các xạ thủ đem cung tên đi giết cả năm trăm con khi. Một con khi già trốn thoát được dù nó bị thương do mũi tên, và chưa ngã ngay tại chỗ, nó chỉ ngã xuống khi đến nơi ở của Bồ-tát. Bày khi bảo nhau:

- Nó đã chết khi vừa đến chỗ ở của ta.

Và chúng kể lại với Bồ-tát rằng con khi kia chết do vết thương ấy. Ngài bước ra ngồi giữa bày khi, ngâm các vần kệ này để khuyên giáo chúng với lời khuyên của bậc trí, đó là: "Người nào ở gần kẻ thù đều phải chết như vậy".

*1. Người trí không nên ở chốn nào
Cừu nhân cư trú, dẫu dài lâu,
Hay chỉ một, hai đêm cũng vậy,
Đến gần sẽ gặp nỗi sầu đau.*

*2. Kẻ ngu là địch thủ cho ai
Vẫn trót tin lời nó nói sai:
Con khi ngu si đem đại họa
Cho bày của nó thế mà thôi.*

3. Một kẻ ngu si đứng trưởng đoàn,
Vì kiêu căng muốn tỏ khôn ngoan,
Sẽ không khác khí này gây họa,
Mãi mãi đưa đường đến bại vong.

4. Kẻ mạnh ngu si chẳng tốt lành,
Lãnh phần bảo vệ cả đàn mình,
Nó là tai họa cho đồng loại,
Chẳng khác chim mồi đáng hãi kinh.

5. Trưởng đoàn hùng dũng trí khôn ngoan
Làm tốt để canh giữ cả đoàn,
Chẳng khác Ind-ra bên Hội chúng,
Là phần thưởng của các thân bằng.

6. Người nào đủ giới hạnh hoàn toàn,
Trí tuệ tinh thông, học tập luôn,
Hành động người này đem phước lạc
Cho mình cùng với các tha nhân.

7. Vậy thì giới hạnh lẫn đa văn,
Tri kiến học hành, luyện bản thân,
Như thể vị hiền nhân độc trú,
Hoặc lo bảo vệ đám thân bằng.

Như vậy Bồ-tát trở thành Hầu vương, và giảng giải đường lối học tập Giới luật.

*

Khi Pháp thoại chấm dứt, Bạc Đạo Sư nhận diện tiền thân:

- Thời ấy con khi không tuân lệnh là Devadatta, bấy khí của nó là Hội chúng của Devadatta, và Hầu vương có trí là Ta.

-ooOoo-

405. Chuyện Phạm Thiên Baka (Tiền thân Bakabrahma)

Chúng tôi tất cả bảy mươi hai...

Bạc Đạo Sư kể chuyện này khi trú tại Kỳ Viên về Phạm thiên Baka.

Một tà kiến sinh khởi trong tâm vị Phạm thiên này, đó là: "Cõi sinh hữu này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, bất biến; ngoài nơi này ra không có sự cứu độ hay giải thoát gì nữa..."

Trong một đời trước, vị Phạm thiên này đã thực hành Thiên định, vì thế được tái sinh vào cõi trời Quảng Quả (Vehapphala). Sau khi đã trải qua đời sống ở đó trong năm trăm kiếp (Kappa), vị ấy

tái sinh vào cõi trời Biến Tịnh (Subhakinna). Sau khi đã trải qua sáu mươi bốn kiếp tại đó, vị ấy mạng chung và tái sinh vào cõi trời Quang Âm (Abhassara), nơi đời sống kéo dài trong tám kiếp. Và chính tại đó, tà kiến này khởi lên trong tâm vị ấy.

Vị Phạm thiên này quên rằng mình đã từng sống ở các cõi Phạm thiên giới cao hơn và đã tái sinh vào cảnh giới này. Do nhận thức các điều trên, vị ấy chấp thủ tà kiến. Bạc Đạo Sư thấu hiểu các tư tưởng của vị ấy và thật dễ dàng như một lực sĩ đuổi cánh tay cho thẳng ra hay cong cánh tay trở lại, Ngài biến mất ở Kỳ Viên và xuất hiện ở Phạm thiên giới ấy. Vị Phạm thiên thấy ngài liền thưa:

- Thiện lai Thế Tôn, xin Thế Tôn đến đây. Bạch Thế Tôn, thế giới này là trường tồn, thường hằng, vĩnh cửu, tuyệt đối, bất biến; thế giới này không sinh, không già, không chết, không biến hoại, không tái sinh. Ngoài thế giới này, không có sự cứu độ nào cao hơn nữa.

Khi lời này được vị Phạm thiên Baka nói ra, Thế Tôn bảo:

- Phạm thiên Baka đã si mê, đã lầm lạc khi nói rằng một vật không thường hằng là thường hằng, một vật không vĩnh cửu là vĩnh cửu, cùng những điều tương tự, như ngoài thế giới này không có sự cứu độ nào cao hơn nữa trong khi vẫn có sự cứu độ khác.

Nghe lời này, vị Phạm thiên suy nghĩ: "Thế Tôn đang khuyến giáo ta khi nhận ra chính xác những lời ta nói".

Rồi như một kẻ trộm rụt rè sau khi bị đâm vào cái, vị ấy đáp:

- Đệ tử đâu phải là tên trộm duy nhất? Còn nhiều vị này vị nọ cũng đều là các tên trộm khác nữa.

Rồi vị ấy nêu tên các vị Thiên cùng một hội chúng; như vậy vị Phạm thiên lo sợ đức Phật chất vấn, nên đã ngâm vần kệ đầu tiên nói lên các vị Thiên cùng hội chúng của mình:

1. Chúng tôi tất cả bảy mươi hai,
Chân chánh và cao cả tuyệt vời,
Sanh, lão chúng tôi đã giải thoát,
Cõi này là trí tuệ nhà trời,
Không Thiên giới khác cao hơn nữa,
Nhiều kẻ tán đồng quan điểm tôi.

Nghe lời này, Bạc Đạo Sư ngâm vần kệ thứ hai:

2. Đời ngài ngắn ngủi ở thiên đàng,
Tưởng đời trường thọ quả sai lầm,
Một trăm ngàn kiếp trôi qua mất,
Ta biết đời ngài quá rõ ràng.

Nghe vậy, Baka ngâm vần kệ thứ ba:

3. Thế Tôn, trí tuệ tử vô cùng,
Sanh, lão, sầu nằm ở dưới chân:

*Xưa đã tạo nên bao thiện nghiệp,
Thế Tôn cho đệ tử hay chăng?*

Sau đó đức Thế Tôn ngâm bốn vần kệ kể cho vị ấy nghe những chuyện quá khứ:

*4. Xưa lấy nước ban phát những người
Lúc đang cơn khát sắp tàn hơi,
Dưới trời hạn hán như thiêu đốt,
Thiện nghiệp ngài qua đã mấy đời,
Ta biết là ta đều nhớ rõ,
Như vừa tỉnh giấc mộng mà thôi.*

*5. Sông E-ni, thuở nọ bên bờ,
Ngài thả nhiều người được tự do,
Trong lúc bị giam cầm chặt chẽ,
Việc lành ngài tạo dấu xa xưa,
Song ta biết rõ ta còn nhớ
Như thể mới vừa tỉnh giấc mơ.*

*6. Ngày xưa trên bến nước sông Hằng,
Ngài cứu thuyền người nọ thoát thân,
Khi bị ác xà kia chụp lấy
Vì thèm thịt sống, khỏi tai ương,
Việc lành ngài tạo dấu xa lắc,
Ta nhớ rõ như tỉnh giấc nồng.*

*7. Ta chính Kap-pa, đệ tử ngài,
Trí đức ngài, ta biết rõ mười,
Thiện nghiệp ngài làm, ta nhớ kỹ.
Như là mới tỉnh giấc mơ thôi.*

Khi nghe các nghiệp quá khứ của mình do Bạc Đạo Sư thuyết giảng, Baka cảm tạ và ngâm vần kệ cuối cùng:

*8. Thế Tôn biết mọi kiếp xưa xa,
Tuệ giác toàn tri quả Phật-đà,
Uy lực hào quang vinh hiển thực,
Sáng ngời khắp cõi Phạm thiên ta.*

*

Như vậy Bạc Đạo Sư vừa tỏ bày uy lực của một đức Phật, vừa thuyết Pháp khai thị các Sự thật. Lúc kết thúc Pháp thoại, tâm của mười ngàn vị Phạm thiên được giải thoát khỏi các ô nhiễm cấu uế. Do đó, đức Thế Tôn trở thành nơi an trú của các vị Phạm thiên, rồi trở về Kỳ Viên từ cõi Phạm thiên, Ngài thuyết Pháp như trên và nhận diện Tiên thân:

- Thời ấy Phạm thiên Baka là nhà khổ hạnh Kesava và đệ tử Kappa chính là Ta.

-ooOoo-